

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST.

Ngày: 24-7-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Hân Hoan

Ông Bùi Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST – KDTM ngày 20/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2019/QĐST-KDTM ngày 08/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP TP

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà T, số 57, phố LTK, phường TH, quận HK, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh P** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn gồm:

1. Bà **Nguyễn H T T**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số 25, đường VVT, phường TA, quận NK, thành phố Cần Thơ, theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2019.

2. Ông **Nguyễn V V**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

3. Ông **Lê T P**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Lầu 5, 32A HG, Phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2019.

- Bị đơn:

1. Bà **Trần T N**, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm N, phường M, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **Nguyễn V N**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Khóm O, phường M, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ cư trú: Khóm N, phường M, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê T P và bà Nguyễn H T T trình bày:*

Ngày 11/12/2017 ông Nguyễn V N và bà Trần T N có vay của Ngân hàng TMCP TP Chi nhánh CT số tiền 229.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 603/2017/HDTD/TTKD CTO/01, được giải ngân cùng ngày bằng phương thức chuyển khoản. Thỏa thuận cụ thể như sau: thời hạn vay 60 tháng từ ngày 13/12/2017 đến ngày 12/12/2022; phương thức cho vay: cho vay từng lần; mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán tiền mua xe theo Hợp đồng mua bán xe số 18.11-HĐMB-11.2017, số tiền 217.000.000 đồng và thanh toán phí bảo hiểm an tâm tín dụng số tiền 12.000.000 đồng; Phương thức trả nợ: thu từ tài khoản của khách hàng hoặc khách hàng có thể nộp tiền trực tiếp tại ngân hàng; Lịch trả nợ: 01 tháng trả vốn và trả lãi 01 lần, định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, ấn định ngày trả vốn và lãi đầu tiên là ngày 20/01/2018, tổng cộng gồm 60 lần. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất áp dụng từ ngày 13/12/2017 đến ngày 12/12/2018 7,9%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 12/12/2022, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12M* của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,15% năm; Kỳ điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Theo hợp đồng nêu trên là bị đơn ông Nguyễn V N, bà Trần T N đã dùng tài sản của mình thế chấp cho Ngân hàng TMCP TP làm tài sản bảo đảm, bao gồm: 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu TMT, số loại HD7325T, số khung: RRT07325TG1A00049, số máy: D4BHF030227, biển số đăng ký: 83C-060.18 đứng tên của bà Trần T N theo giấy xe của Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/12/2017.

Ngoài ra, ngày 12/12/2017 Ngân hàng TMCP TP Chi nhánh CT và ông Nguyễn V N, bà Trần T N đã ký kết với nhau hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số: 603/2017/HDTD/TTKD CTO/02. Thỏa thuận như sau: Ngân hàng TP cho ông N, bà N vay theo hạn mức thấu chi là 15.000.000 đồng, khách hàng cam kết không rút thấu chi vượt quá hạn mức thấu chi; mục đích cho vay tiêu dùng cá nhân; phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán; Thời hạn hạn mức thấu chi: 12 tháng kể từ ngày 13/12/2017 đến ngày 12/12/2018; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất linh hoạt bằng lãi suất tiết kiệm 12M* (+) biên độ: 11%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh khi lãi suất tiết kiệm 12M* thay đổi = lãi suất tiết kiệm 12M* của TPBank (+) biên độ 11%/năm; khách hàng phải thanh toán cho ngân hàng

TP các loại phí và mức phí theo quy định tại Biểu phí của ngân hàng TP từng thời kỳ liên quan tới việc sử dụng hạn mức thấu chi được cấp theo hợp đồng. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình giao dịch tính đến ngày 20/10/2018 ông N và bà N đã trả cho ngân hàng TP số tiền 52.699.772 đồng (trong đó vốn gốc là 38.166.670 đồng, lãi là 14.533.102 đồng). Từ ngày 20/11/2018 ông N và bà N không thanh toán vốn và lãi cho ngân hàng TP nữa do đó để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù ngân hàng TP đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông N và bà N vẫn không trả nợ cho ngân hàng TP. Tính đến ngày 24/7/2019 ông Nguyễn V N và bà Trần T N còn nợ ngân hàng TP số tiền vốn gốc là 190.833.330 đồng, tiền quá hạn lãi 15.119.629 đồng; tiền lãi phạt quá hạn gốc 2.179.715 đồng, tiền lãi quá hạn lãi 932.984 đồng và khoản nợ thấu chi là 17.607.796 đồng (trong đó nợ gốc là 15.000.000 đồng, nợ lãi là 2.607.796 đồng). Nay ngân hàng TMCP TP yêu cầu ông Nguyễn V N và bà Trần T N thanh toán cho ngân hàng TP toàn bộ số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2019 cho đến khi ông N và bà N trả dứt nợ cho ngân hàng TP; trường hợp ông N và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng TP thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho ngân hàng TP.

Trong quá trình xét xử, bị đơn ông Nguyễn V N, bà Trần T N vắng mặt, Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông N, bà N được biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông bà vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Đại diện nguyên đơn đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Còn phía bị đơn vẫn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét hợp đồng tín dụng kiêm thế chấp xe ô tô giữa Ngân hàng TMCP TP và ông Nguyễn V N, bà Trần T N là trên cơ sở tự nguyện, điều hợp pháp nhưng ông N, bà N đã ngưng trả nợ cho ngân hàng TP kể từ ngày 20/11/2018 đến nay là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, không thực hiện trả nợ cho ngân hàng TP theo như thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP TP: buộc ông N và bà N có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TP số tiền vốn gốc và tiền lãi còn thiếu tính đến ngày 24/7/2019 tổng cộng là 226.673.364 đồng trong đó: vốn gốc 190.833.330 đồng, tiền lãi tổng cộng là 18.232.328 đồng; khoản nợ thấu chi là 17.607.796 đồng và lãi phát sinh từ ngày 25/7/2019 cho đến khi ông N, bà N thanh toán dứt nợ. Trường hợp khi án có hiệu lực pháp luật ngân hàng TP yêu cầu thi hành án mà ông N, bà N không trả vốn gốc và lãi phát sinh thì ngân hàng TP có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn V V; Bị đơn ông Nguyễn V N và bà Trần T N đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn ông P, bà T và kiểm sát viên yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt ông V, ông N, bà N. Do đó HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông V, ông N, bà N.

[2] Qua xem xét hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 603/2017/HDTD/TTKD CTO/01 ký ngày 11/12/2017, thể hiện ông Nguyễn V N và bà Trần T N có vay của Ngân hàng TMCP TP số tiền 229.000.000 đồng. Thỏa thuận của hợp đồng như sau: Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 13/12/2017 đến ngày 12/12/2022); mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô tải và phí bảo hiểm xe; phương thức trả nợ: thu từ tài khoản của khách hàng hoặc khách hàng có thể thanh toán trực tiếp tại ngân hàng; Lịch trả nợ: 01 tháng trả vốn và trả lãi 01 lần, định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, ấn định ngày trả vốn và lãi đầu tiên là ngày 20/01/2018, tổng cộng gồm 60 lần. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất áp dụng từ ngày 13/12/2017 đến ngày 12/12/2018 7,9%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 12/12/2022, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12M* của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,15% năm; Kỳ điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

[3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông N và bà N đã thanh toán cho Ngân hàng TP số tiền vốn 38.616.670 đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/10/2018. Sau đó ông N và bà N không tiếp tục trả nợ cho ngân hàng TP nữa nên phía ông N, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng TP kể từ ngày 20/11/2018 cho đến nay. Theo hợp đồng cho vay thì khoản nợ trong hạn sẽ được chuyển thành khoản nợ quá hạn sau khi khách hàng bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Cho nên khoản nợ của ông N và bà N đã bị ngân hàng TP chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 20/11/2018.

[4] Xét thấy, ông N và bà N đã nhận toàn bộ số tiền vốn vay 229.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô lập ngày 11/12/2017, nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TP theo như các bên đã thỏa thuận tại các mục 1.6, 1.7 Điều 1 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Vì ông N và bà N đã vi phạm hợp đồng, nên việc Ngân hàng TP khởi kiện yêu cầu ông N, bà N thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định tại văn bản 001: Điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô của Ngân hàng TP; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, yêu cầu này của ngân hàng TP được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền ông N và bà N còn phải thanh toán cho Ngân hàng TP tính

đến ngày 24/7/2019 (ngày xét xử) tổng cộng là 209.065.568 đồng trong đó: tiền vốn gốc là 190.833.330 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.119.629 đồng, tiền lãi phạt quá hạn gốc 2.179.715 đồng và tiền lãi quá hạn lãi là 932.984 đồng.

[5] Đối với khoản nợ thấu chi: Qua xem xét hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số: 603/2017/HDTD/TTKD CTO/02 ký ngày 12/12/2017, thể hiện ông Nguyễn V N và bà Trần T N được Ngân hàng TMCP TP cấp hạn mức thấu chi số tiền 15.000.000 đồng. Thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 13/12/2017 đến ngày 12/12/2018. Trong quá trình sử dụng tài khoản thấu chi ông N và bà N đã không thực hiện nộp tiền trả vào tài khoản thấu chi khi hết hạn hợp đồng là ông N và bà N đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng TP yêu cầu ông N và bà N trả số tiền vốn và lãi của khoản vay thấu chi là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 5 của Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tính đến ngày 24/7/2019 (ngày xét xử) thì ông N, bà N còn phải trả cho ngân hàng TP khoản thấu chi là 17.607.796 đồng, trong đó vốn gốc là 15.000.000 đồng và lãi là 2.607.796 đồng.

[6] Xét về tài sản thế chấp là: Chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu TMT, số loại HD7325T, số khung: RRT07325TG1A00049, số máy: D4BHF030227, biển số đăng ký: 83C-060.18 đứng tên của bà Trần T N theo giấy xe của Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/12/2017. Ngân hàng TMCP TP cùng ông N, bà N đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô lập ngày 11/12/2017 thì ông N, bà N dùng chiếc xe ô tô tải này để làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông N, bà N. Việc thế chấp này có công chứng và đăng ký thế chấp hợp pháp. Nay Ngân hàng TP yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông N, bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn V N và bà Trần T N phải chịu là 11.333.668 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng TMCP TP không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 266; điều 271; Điều 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 299 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP TP về việc yêu cầu ông Nguyễn V N, bà Trần T N trả nợ vay.

Buộc ông Nguyễn V N và bà Trần T N thanh toán cho Ngân hàng TMCP TP khoản tiền vay là 209.065.568 đồng, trong đó vốn gốc là 190.833.330 đồng và lãi là 18.232.238 đồng.

Kể từ ngày 25/7/2019 cho đến khi ông Nguyễn V N, bà Trần T N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP TP, thì hàng tháng ông N, bà N còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 603/2017/HDTD/TTKD CTO/01 ký ngày 11/12/2017.

Buộc ông Nguyễn V N và bà Trần T N thanh toán cho Ngân hàng TMCP TP khoản nợ thấu chi số tiền tổng cộng là 17.607.796 đồng trong đó vốn gốc là 15.000.000 đồng và lãi là 2.607.796 đồng.

Kể từ ngày 25/7/2019 cho đến khi ông Nguyễn V N, bà Trần T N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP TP, thì hàng tháng ông N, bà N còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 603/2017/HDTD/TTKD CTO/02 ký ngày 12/12/2017.

[2] Trường hợp ông Nguyễn V N và bà Trần T N không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng TMCP TP được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: Chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu TMT, số loại HD7325T, số khung: RRT07325TG1A00049, số máy: D4BHF030227, biển số đăng ký: 83C-060.18 đứng tên của bà Trần T N theo giấy xe của Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/12/2017, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 603/2017/HDTD/TTKD CTO/01 ký ngày 11/12/2017.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn V N và bà Trần T N phải chịu án phí là 11.333.668 đồng.

Ngân hàng TMCP TP không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.385.000 đồng (*Năm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007061, ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV – THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng